

NGÔN NGỮ SÀI GÒN XƯA: VAY MƯỢN TỪ TIẾNG PHÁP

Sang đến thời kỳ “100 năm đô hộ giặc Tây”, Việt Nam nói chung và Sài Gòn nói riêng đã trở thành thuộc địa của Pháp. Cũng vì thế, tiếng Pháp đã có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống văn hóa, xã hội của người Việt. Tiếng Pháp được sử dụng trong các văn bản, giấy tờ của Chính phủ Bảo hộ, và trong giảng dạy ở nhà trường, bên cạnh đó là các loại sách báo thâm nhập đời sống thường ngày của người dân.

Chữ Quốc ngữ, vốn được tạo ra bởi một số nhà truyền giáo Tây phương, đặc biệt là Linh mục Alexandre de Rhodes (tác giả cuốn Từ điển Việt–Bồ–La năm 1651), với mục đích dùng ký tự La–tinh làm nền tảng cho tiếng Việt. “La–tinh hóa” chữ Việt ngày càng được phổ biến để trở thành Quốc ngữ, chịu ảnh hưởng bởi những thuật ngữ, từ ngữ mới của ngôn ngữ Tây phương, nổi bật nhất là văn hóa Pháp.



Đi ảnh Linh Mục Alexandre de Rhodes

Khi chiếm được 3 tỉnh Nam Bộ, người Pháp đã nắm trong tay 1 công cụ vô cùng hữu hiệu để truyền bá văn hóa đồng thời chuyển văn hóa Nho giáo sang văn hóa Phương Tây. Tờ Gia Định Báo là tờ báo đầu tiên được phát hành bằng chữ Quốc ngữ vào năm 1865, khẳng định sự phát triển và xu hướng của chữ Quốc Ngữ như là chữ viết chính thức của nước Việt Nam sau này.

Đối với người bình dân, việc tiếp nhận tiếng Pháp đến một cách rất tự nhiên. Người ta có thể nói “Cắt tóc, thui dê” để chỉ ngày Quốc khánh Pháp 14/7, Quatorze Juillet. Người ta có thể dùng tiếng Tây “bồi” nhưng lại không cảm thấy xấu hổ vì vốn liếng tiếng Pháp của mình vốn chỉ đếm được trên đầu ngón tay. Để tả con cọp, người ta có thể dài dòng văn tự:

*“tí ti giôn,
tí ti noa,
luỹ xừc me-xừ,
luỹ xừc cả moa”.*

Diễn nôm câu này là:

*“một chút màu vàng (jaune),
một chút màu đen (noir),
nó ăn thịt ông (monsieur),
nó ăn thịt cả tôi (moi)”.*

Nhân đây cũng xin nói thêm về những đại danh từ nhân xưng như toa (anh, mày – toi), moa hay mỏa (tôi, tao – moi), en hay ẻn (cô ấy, chị ấy – elle), lúy hay luỹ (anh ấy, hắn – lui), xừ hay me-xừ (ông, ngài – monsieur)...

Học trò trường Tây, những nhà trí thức khoa bảng hay cả những kẻ tỏ ra “thời thượng” ngày xưa thường dùng những đại từ này. Cũng vì thế có 1 câu mang tính cách châm chọc:

“Hôm qua moa đi xe lửa, buồn tiểu quá nên moa phải đái trên đầu toa” (toa ở đây có 2 nghĩa: toa xe lửa nhưng cũng có ý là toi (anh) trong tiếng Pháp).

Nói thêm về hỏa xa, người Pháp xây dựng đường xe lửa đầu tiên ở Việt Nam tại Sài Gòn từ năm 1881. Đây là đoạn đường ray (rail) từ Cột cờ Thủ Thiêm đến bến xe Chợ Lớn, dài 13km. Mãi đến năm 1885 chuyến xe lửa đầu tiên mới được khởi hành và 1 năm sau, tuyến đường Sài Gòn-Mỹ Tho dài 71km bắt đầu hoạt động. Sau đó, mạng lưới đường sắt được xây dựng trên khắp lãnh thổ Việt Nam, dùng kỹ thuật của Pháp với khổ đường ray 1 mét. Tính đến năm 1975 miền Nam có khoảng 1,240km đường ray nhưng vì chiến cuộc nên chỉ được sử dụng khoảng 60%.

Nhà ga cũng có xuất xứ từ tiếng Pháp gare. Ga là công trình kiến trúc làm nơi cho tàu hỏa, tàu điện hay máy bay đỗ để hành khách lên xuống hoặc để xếp dỡ hàng hóa. Từ sự vay mượn này ta có thêm những từ ngữ như sân ga, trưởng ga, ga chính, ga xếp... Nhân nói về ga tưởng cũng nên nhắc lại động từ bẻ ghi (aiguiller) tức là điều khiển ghi (aiguille) cho xe lửa chuyển sang đường khác. Trong tiếng Việt, bẻ ghi còn có nghĩa bóng là thay đổi đề tài, chuyển từ chuyện mình không thích sang một đề tài khác.



Xe lửa ngày xưa

Có những từ ngữ xuất xứ từ tiếng Pháp nhưng vì lâu ngày dùng quen nên người ta cứ tưởng chúng là những từ “thuần Việt”. Chẳng hạn như cao su (caoutchouc), một loại cây công nghiệp được người Pháp du nhập vào Việt Nam qua hình thức những đồn điền tại miền Nam. Ngôn ngữ tiếng Việt rất linh động trong cách dùng từ ngữ cao su qua các biến thể như giờ cao su (giờ giấc co dãn, không đúng giờ), kẹo cao su (chewing-gum), bao cao su (còn gọi là “áo mưa” dùng để tránh thai hoặc tránh các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục)...

Nhà băng (banque) là một chữ quen dùng trong ngôn ngữ hàng ngày còn xà bông cũng là loại chữ dùng lâu ngày thành quen nên ít người để ý xuất xứ của nó là từ tiếng Pháp, savon. Ở miền Bắc, xà bông được cải biến thành xà phòng, là chất dùng để giặt rửa, chế tạo bằng cách cho một chất kiềm tác dụng với một chất béo. Nổi tiếng ở Sài Gòn xưa có xà bông Cô Ba của Trương Văn Bền, dùng dầu dừa làm nguyên liệu chính.

Chúng ta thấy ngôn ngữ Việt vay mượn từ tiếng Pháp trong rất nhiều lĩnh vực. Về ẩm thực, tiếng Việt thường mượn cả cách phát âm đến tên của các món ăn có xuất xứ từ phương Tây. Vào nhà hàng, người phục vụ đưa ra mớ-nuy (thực đơn – menu) trong đó có những món như bít-tết (chữ bifteck của Pháp lại mượn từ nguyên thủy tiếng Anh – beefsteak), những thức uống như la de (rượu bia – bière, được chế biến từ cây hốt bố hay còn gọi là hoa bia – houblon), rượu vang (rượu nho – vin)...

Về thịt thì có xúc-xích (saucisse), pa-tê (pâté), giăm-bông (jambon), thịt phi-lê (thịt thăn, thịt lườn – filet). Các món ăn thì có ra-gu (ragout), cà-ri (curry)... Khi ăn xong, khách xộp còn cho người phục vụ tiền puộc-boá (tiền thưởng – pourboire). Ngày nay từ boá hay bo được dùng phổ biến với ý nghĩa cho tiền thưởng, hay còn gọi là tiền phong bao hoặc tiền phục vụ.

Từ rất lâu, ở Sài Gòn xuất hiện các loại bánh mì theo kiểu Pháp, miền Bắc lại gọi là bánh tây với hàm ý du nhập từ Pháp. Có nhiều loại bánh đặc biệt như bánh mì ba-ghét (loại bánh mì nhỏ, dài – baguette), bánh pa-tê-sô (một loại bánh nhân thịt, ăn lúc nóng vừa giòn vừa ngon – pâté chaud), bánh croát-xăng (hay còn gọi là bánh sừng bò–croissant).



Người Sài Gòn thường ăn sáng với bánh mì kèm theo nhiều kiểu chế biến trứng gà như ốp-la (trứng chỉ chiên một mặt và để nguyên lòng đỏ – oeuif sur le plat), trứng ốp-lét (trứng tráng – omelette) hoặc trứng la-cóc (trứng trứng nước sôi, khi ăn có người lại thích thêm một chút muối tiêu – oeuif à la coque).

Món không thể thiếu trong bữa ăn sáng là cà-phê (café). Cà phê phải được lọc từ cái phin (filtre à café) mới đúng điệu. Người miền Bắc ít uống cà phê nên sau năm 1975 vào Sài Gòn nhiều người đã mô tả cái phin cà phê một cách rất “gợi hình”: “cái nồi ngồi trên cái cốc”.

Ngôn ngữ về trang phục cũng chịu ảnh hưởng rất nhiều từ tiếng Pháp. Bình thường hàng ngày người ta mặc áo sơ-mi (chemise), cổ tay có cài khuy măng-sét (manchette). Khi đi tiệc tùng hoặc hội họp thì mặc áo vét (vest) hay bộ vét-tông (veston) kèm theo chiếc cà-vạt (cravate) trên cổ áo sơ mi. Trời hơi lạnh có thể mặc bên trong áo vét một chiếc gi-lê (gilet) và hai tay mang găng (gants) cho ấm.

Ngay cả quần áo lót bên trong cũng mượn từ tiếng Pháp. Phụ nữ trên thì mang xú-chiêng (nịt ngực – soutien-gorge) dưới thì có xì-líp (slip). Nam giới thì mặc áo may-ô (maillot)

bên trong áo sơ-mi. Mặc quần thì phải có xanh-tuya (dây nịt – ceinture) và khi trời nóng thì mặc quần sọt (quần ngắn, tiếng Pháp là short được mượn từ tiếng Anh shorts).

Trang phục có thể được may từ các loại cô-tông (vải bông – coton) hoặc bằng len (làm từ lông cừu – laine). Trên đầu có mũ phớt (feutre, một loại mũ dạ), mũ bê-rê (béret, một loại mũ nôi)... dưới chân là đôi dép săng-đan (sandales), sau này người Sài Gòn lại chế thêm dép sa-bô (sabot nguyên thủy tiếng Pháp là guốc).



Mũ phớt

Đi lính cho Tây thì được phát đôi giày săng-đá (giày của lính – soldat). Loại lính nhảy dù, biệt kích (ngày nay là đặc công) gọi là còm-măng-đô (commando). Một đoàn xe quân sự có hộ tống được gọi là công-voa (convoi, trông cứ như con voi trong tiếng Việt!). Thuật ngữ quân sự chỉ những công sự xây đắp thành khối vững chắc, dùng để phòng ngự, cố thủ một nơi nào đó được gọi là lô-cốt có xuất xứ từ blockhaus. Ngày nay, chữ lô cốt còn được dùng chỉ những nơi đào đường, thường được rào chắn, vây kín mặt đường, cản trở lưu thông.

Xưa kia cảnh sát được gọi qua nhiều tên: mã-tà (xuất xứ từ tiếng Pháp matraque, có nghĩa là dùi cui), sen đâm (gendarme), phú-lít (police), ông cò (commissaire)... Lực lượng thuế quan (ngày nay gọi là hải quan) được gọi là đoan (douane), lính đoan còn có nhiệm vụ đi bắt rượu lậu là một mặt hàng quốc cấm thời Pháp thuộc.

Nông phẩm thì có đậu cô-ve (còn gọi tắt là đậu ve – haricot vert), đậu pơ-tí-poa (đậu Hòa Lan có hạt tròn màu xanh – petits-pois), bắp sủ (bắp cải – chou), súp-lơ (bông cải – chou-fleur), xà lách (salade), cải xoong (còn gọi là xà lách xoong – cresson), cà-rốt (carotte), ác-ti-sô (artichaut)...

Tiếng Tây cũng đi vào âm nhạc. Từ điệu valse, tango... đến đàn piano (dương cầm), violon (vĩ cầm), kèn harmonica (khẩu cầm)... Ở các đấng-xinh (khiêu vũ trường – dancing) luôn có ọt-kết (ban nhạc – orchestre) chơi nhạc và xuất hiện một nghề mới gọi là ca-ve (gái nhảy – cavalière). Ngày nay người ta dùng từ ngữ ca-ve với ý chỉ tất cả những cô gái làm tiên, khác hẳn với ý nghĩa nguyên thủy của nó.

Người phương Tây dùng nhiều sữa và các sản phẩm của sữa nên đã đưa vào ngôn ngữ tiếng Việt những từ ngữ như bơ (beurre), pho-mát (fromage), kem (crème).. Nổi tiếng ở Sài Gòn có 2 nhãn hiệu sữa Ông Thọ (Longevity) và Con Chim (Nestlé) như đã nói ở phần trên. Có người thắc mắc, đàn ông mà lại là ông già thì làm sao có sữa? Xin thưa, hình tượng “Ông Thọ chống gậy” trên hộp sữa chỉ muốn nói lên tuổi thọ (longévité) của người dùng sữa. Trường hợp của Nestlé cũng vậy. Con Chim thì làm gì có sữa? Thực ra thì logo của Nestlé là một tổ chim (gồm chim mẹ và 2 chim con) nhưng người Việt mình cứ gọi là sữa Con Chim cho tiện.



Nestlé

Logo của Nestlé

Cũng vì thế mới có nhiều câu chuyện khôi hài về sữa Con Chim. Chú Ba Tàu, chủ tiệm “chạp phô”, giải thích vì sao sữa Con Chim lại bán với giá mắc hơn những sữa khác:

“Sữa con bò vì có nhiều vú nên rẻ, sữa mẹ chỉ có 2 vú nên đắt nhưng Con Chim nhỏ chút xíu, vắt được 1 lon sữa là quý lắm thì phải mắc tiền nhất chứ!”

Các ông lại giải thích một cách hóm hỉnh khi các bà thắc mắc Con Chim làm gì có sữa: “Tại mấy bà không để ý đấy thôi, con chim khi húng chí cũng tiết ra một thứ sữa màu trắng đục, đó không phải là sữa thì là gì?”

Thế mạnh của Nestlé là các sản phẩm sữa bò khác như Núi Trắng (Lait Mont-Blanc) và sữa bột Guigoz. Ngày xưa, những gia đình trung lưu đều nuôi con bằng sữa bột Guigoz. Tôi vẫn còn nhớ cảm giác khi ăn vụng một thìa Guigoz của em út: vừa bùi, vừa béo, những hạt sữa nhỏ li ti như tan ngay trong miệng. Sữa bột Guigoz được chứa trong một cái lon bằng nhôm, cao 15cm, có sọc ngang, bên trong lại có sẵn thìa để giúp người pha dễ đo lường. Khi dùng hết bột, các bà nội trợ không vứt lon như những loại sữa khác vì lon Guigoz có nắp đậy rất kín nên được “tái sử dụng” trong việc đựng đường, muối, tiêu, bột ngọt...



Những người thiết kế lon Guigoz chắc hẳn chưa bao giờ nghĩ cái lon lại có nhiều công dụng sau khi sữa bột ở bên trong đã dùng hết. Lon Guigoz đã theo chân những tù nhân cải tạo như một vật “bất ly thân”. Những người “trông đi học có 10 ngày” mang theo lon Guigoz để đựng các vật dụng linh tinh như bàn chải, kem đánh răng, vài loại thuốc cảm cúm, nhớt đầu để phòng khi cần đến.

Lon Guigoz thường được chúng tôi gọi tắt là “lon gô”. Học tập càng lâu lon gô càng tỏ ra “đa năng, đa hiệu”. Muốn múc nước từ giếng lên thì dùng gô làm gàu, buổi sáng thức dậy dùng gô làm ly đựng nước súc miệng, nhưng gô còn tỏ ra đặc biệt hữu ích khi dùng như một cái nồi để nấu nước, thổi cơm, luộc măng (lấy ở trên rừng), luộc rau, luộc khoai mì (“chôm chia” khi đi “tặng gia sản xuất”)... nghĩa là làm được tất cả mọi công việc bếp núc.

Chúng tôi ở trong một căn cứ cũ của Sư Đoàn 25 tại Trảng Lớn (Tây Ninh) nên có cái may là còn rất nhiều vỏ đạn 105ly. Người cải tạo sẵn nhặt những vỏ đạn về và chế thành một cái lò “dã chiến” và lon gô để vào trong lò vừa khít, tương như 2 nhà thiết kế vỏ đạn và lon gô đã ăn ý với nhau “tùng cen-ti-mét” ngay từ khâu thiết kế ban đầu! Ai chưa có lon gô thì nhắn gia đình tìm để đựng đồ ăn mỗi khi được vào trại “thăm nuôi”.

Sau 30/4/1975 lon gô trở nên hữu dụng vì công nhân, sinh viên, học sinh dùng lon gô để đựng cơm và thức ăn cho bữa trưa. Người Sài Gòn thường đeo một cái túi đựng lon gô khi đi làm, một hình ảnh không thể nào quên của “thời điều linh” sau 1975.

Tình cờ tôi bắt gặp trang web: [link này không còn –

(http://www.teslogos.com/ancienne_boite_de_lait_guigoz_collector_collection.html)] của Pháp quảng cáo bán lon sữa Guigoz cho những người sưu tầm, giá lên tới 15 euros cho một lon Guigoz xưa, dĩ nhiên là chỉ có lon không, không có sữa!



Sữa bột Guigoz

Người Pháp khi đến Việt Nam mang theo cả chiếc ô-tô (xe hơi – auto, automobile). Xe xưa thì khởi động bằng cách quay ma-ni-ven (manivelle) đặt ở đầu xe, sau này tân tiến hơn có bộ phận đề-ma-rơ (khởi động – démarreur). Sau khi đề (demarrer), xe sẽ nổ máy, sếp-phơ (người lái xe – chauffeur) sẽ cầm lấy vô-lăng (bánh lái – volant) để điều khiển xe... Về cơ khí thì người Sài Gòn dùng các từ ngữ như cờ-lê (chìa vặn – clé), mỏ-lết (molette), đinh vít (vis), tuộc-nơ-vít (cái vặn vít – tournevis), công-tơ (thiết bị đồng hồ – compteur), công tắc (câu dao – contact)...

Bây giờ nói qua chuyện xe đạp cũng có nhiều điều lý thú. Chiếc xe đạp trong ngôn ngữ Việt mượn rất nhiều từ tiếng Pháp. Trước hết, phía trước có guy-đông (thanh tay lái – guidon), dưới chân có pê-đan (bàn đạp – pédale), săm (ruột bánh xe – chambre à air), và phía sau là bọ-đơ-ba-ga (để chở hàng hóa – porte-bagages).

Chi tiết các bộ phận trong xe đạp cũng... Tây rặc. Có dây sên (dây xích – chaine), có líp (bộ phận của xe đạp gồm hai vành tròn kim loại lồng vào nhau, chỉ quay tự do được theo một chiều – roue libre), rồi phanh (thắng – frein) ở cả bánh trước lẫn bánh sau. Thêm vào đó còn có các bộ phận bảo vệ như gác-đờ-bu (thanh chắn bùn – garde-boue) và gác-đờ-sên (thanh che dây xích – garde-chaine). Mỗi chiếc xe đạp xưa còn trang bị một ống bơm (pompe) để phòng khi lốp xe xuống hơi. Bên cạnh đó người ta gắn một chiếc đy-na-mô (dynamo – bộ phận phát điện làm sáng đèn để đi vào ban đêm). Tôi còn nhớ khi tháo tung một cái dynamo cũ thấy có một cục nam châm gắn vào một trục để khi trục quay sẽ sinh ra điện.

Hồi xưa hồi xưa, đi xe đạp không đèn vào ban đêm rất dễ bị phú-lít thổi phạt nên nếu xe không đèn, người lái phải cầm bó nhang thay đèn! Sài Gòn xưa có các nhãn hiệu xe đạp nổi tiếng như Peugeot, Mercier, Marila, Follis, Sterling... Đó là những chiếc xe đã tạo nên nền “văn minh xe đạp” của những thế hệ trước và một nền “văn hóa xe đạp” còn lưu lại trong ngôn ngữ tiếng Việt của người Sài Gòn xưa.



Xe đạp Mercier ngày xưa có gắn ống bơm, dynamo và cả lon Guigoz.

Nguyễn Ngọc Chính



*Nguồn: Internet eMail by **cathy** chuyển*

*Đăng ngày Chúa Nhật, March 01, 2026
tkd, Khoá 10A—72/SQTB/DD, ĐĐ11/TĐ1ND, QLVNCH*